

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 31/12/12

CHỈ TIÊU			Mã số Thuyết minh	Quý 4 Năm 2012	Lũy kế Năm 2012	Quý 4 Năm 2011	Lũy kế Năm 2011	MÃ SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND								
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,615,665,284,295	10,457,669,290,722	2,953,293,592,168	10,655,420,376,827	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		89,412,168,833	296,972,556,721	135,046,673,360	334,750,565,520	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,526,253,115,462	10,160,696,734,001	2,818,246,918,808	10,320,669,811,307	
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2,299,201,623,788	9,351,159,571,723	2,579,874,982,674	9,321,311,801,799	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		227,051,491,674	809,537,162,278	238,371,936,134	999,358,009,508	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	43,257,179,731	80,368,422,599	37,885,898,866	91,153,329,969	
7.	Chi phí tài chính	22	22	39,893,077,136	139,631,817,002	70,086,368,251	308,245,976,232	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21,764,361,780	104,178,005,504	45,190,564,591	157,036,923,986	
8.	Chi phí bán hàng	24		78,625,608,882	261,252,905,612	71,787,484,900	238,149,272,889	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		67,483,732,210	211,778,057,853	62,352,361,689	226,464,439,205	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		84,306,253,177	277,242,804,410	72,031,620,160	317,651,651,151	
11.	Thu nhập khác	31		11,338,819,559	50,158,969,551	14,556,483,202	113,447,626,141	
12.	Chi phí khác	32		10,942,797,239	22,444,724,116	20,236,404,551	28,279,228,516	
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		396,022,320	27,714,245,435	(5,679,921,349)	85,168,397,625	
14.	Lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		619,176,345	2,362,998,920	2,504,357,271	3,905,209,555	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		85,321,451,842	307,320,048,765	68,856,056,082	406,725,258,331	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	27,705,962,484	91,042,152,137	23,228,490,177	101,716,691,368	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	12,200,968,137	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		57,615,489,358	216,277,896,628	45,627,565,905	292,807,598,826	
Trong đó:								
	Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		8,776,284,185	24,677,320,534	116,175,291	7,410,708,848	
	Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		48,839,205,173	191,600,576,094	45,511,390,614	285,396,889,978	
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	707	2,775	664	4,113	

NGƯỜI LẬP BIỂU

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CAO THANH HÙNG

ĐÀO VĂN ĐẠİ

PHÙNG TUẤN HÀ

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC

QUẢN TRỊ HỒ SƠ